

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4018/QĐ-SGDĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2024

TRƯỜNG THPT HIỆP BÌNH

Số: 713

ĐẾN Ngày: 20/12/2024

Chuyển:

Số và ký hiệu HS:

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 (điều chỉnh lần 6)**

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5758/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 5205/QĐ-UBND và Quyết định số 5206/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2024 – 2025 cho các đơn vị sự nghiệp công trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Theo ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 8738/STC-HCSN ngày 11 tháng 11 năm 2024 hướng dẫn về việc trích lập tạo nguồn cải cách tiền lương từ nguồn thu học phí năm 2024 và đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 (điều chỉnh lần 6) cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2024 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính và Trưởng phòng liên quan thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính (để phối hợp);
- KBNN TP.HCM (để phối hợp);
- KBNN nơi DV giao dịch (để phối hợp);
- Lưu: VT, KHTC (Tr)



Nguyễn Văn Hiếu



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Mẫu biểu số 48

Chương 422- Loại 070 – Khoản 074



**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**  
**(ĐIỀU CHỈNH LẦN 6)**

**Đơn vị: TRƯỜNG THPT HIỆP BÌNH (MS : 1037384)**

**Mã KBNN nơi giao dịch: KHO BẠC TP.THỦ ĐỨC (MS : 0136)**

(Kèm theo Quyết định số 4018/QĐ-SGDĐT ngày 14 tháng 11 năm 2024  
của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

| STT | NỘI DUNG                                                                 | DỰ TOÁN ĐÃ<br>PHÂN BỐ | DỰ TOÁN<br>ĐIỀU CHỈNH,<br>BỔ SUNG<br>LẦN NÀY | TỔNG SỐ    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------------------------|------------|
| I   | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí                              | 0                     |                                              | 0          |
| II  | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                           | 35.288.391            | 396.728                                      | 35.685.119 |
|     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề                                | 35.288.391            | 396.728                                      | 35.685.119 |
| 1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                           | 16.965.000            | -384.777                                     | 16.580.223 |
| 1.1 | Chi từ ngân sách thành phố                                               | 14.733.000            | -384.777                                     | 14.348.223 |
|     | Trong đó: Chi chênh lệch tăng lương cơ sở<br>theo lộ trình của Chính phủ | 1.928.000             | 0                                            | 1.928.000  |
| 1.2 | Chi từ nguồn cải cách tiền lương                                         | 2.232.000             | 0                                            | 2.232.000  |
|     | Nguồn CCTL ngân sách thành phố                                           | 2.232.000             | 0                                            | 2.232.000  |
|     | Nguồn CCTL của đơn vị năm trước<br>chuyển sang                           | 0                     |                                              | 0          |
| 2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                     | 18.323.391            | 781.505                                      | 19.104.896 |
| 2.1 | Chi từ ngân sách thành phố                                               | 6.209.924             | 781.505                                      | 6.991.429  |
|     | Trong đó: 10% tiết kiệm thực hiện CCTL                                   | 0                     |                                              | 0          |
| 2.2 | Chi từ nguồn cải cách tiền lương                                         | 12.113.467            | 0                                            | 12.113.467 |
|     | Nguồn CCTL ngân sách thành phố                                           | 12.113.467            | 0                                            | 12.113.467 |
|     | Nguồn CCTL của đơn vị năm trước<br>chuyển sang                           | 0                     | 0                                            | 0          |

**Ghi chú:**

1. Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện trích lập tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2024 sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (bao gồm cả thu học phí) để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định (theo Công văn số 7012/STC-NS ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Sở Tài chính).

2. Các nội dung dự toán kinh phí được điều chỉnh, bổ sung lần này thuộc Quyết định số 5758/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Trong đó, kinh phí nhiệm vụ thường xuyên được điều chỉnh, bổ sung -384.777 ngàn đồng, cụ thể:

- Điều chỉnh giảm dự toán kinh phí tự chủ (kinh phí thường xuyên) do thay đổi việc trích lập từ nguồn thu học phí để tạo nguồn cải cách tiền lương theo ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 8738/STC-HCSN ngày 11 tháng 11 năm 2024: -449.000 ngàn đồng.

- Điều chỉnh tăng dự toán kinh phí tự chủ (kinh phí thường xuyên) do tuyển dụng viên chức (nếu có): 64.223 ngàn đồng.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định nội dung dự toán theo nhu cầu của đơn vị, giá trị dự toán chỉ dùng làm cơ sở bố trí nguồn kinh phí thực hiện, đơn vị chịu trách nhiệm về số liệu quyết toán thực tế theo đúng quy định.

Chi tiết kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên của đơn vị như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

| STT | NỘI DUNG                                                                                     | DỰ TOÁN ĐÃ PHÂN BỐ | DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG LẦN NÀY | TỔNG SỐ    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------------------|------------|
| 1   | Phụ cấp thâm niên nhà giáo                                                                   | 1.361.152          | 386.685                             | 1.747.837  |
| 2   | Kinh phí vùng sâu                                                                            | 0                  | 0                                   | 0          |
| 3   | Hỗ trợ cán bộ, viên chức y tế                                                                | 5.400              | 0                                   | 5.400      |
| 4   | Phụ cấp ưu đãi cho giáo viên dạy người khuyết tật                                            | 326.022            | 340.010                             | 666.032    |
| 5   | Kinh phí hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND                                   | 3.029.400          | 0                                   | 3.029.400  |
| 6   | Hỗ trợ chi phí học tập                                                                       | 66.150             | 6.750                               | 72.900     |
| 7   | Tiền công dạy đội tuyển dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia theo Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND | 0                  | 0                                   | 0          |
| 8   | Kinh phí mua sắm                                                                             | 300.000            | 0                                   | 300.000    |
| 9   | Kinh phí sửa chữa                                                                            | 495.000            | 0                                   | 495.000    |
| 10  | Kinh phí sinh hoạt hè                                                                        | 74.800             | 0                                   | 74.800     |
| 11  | Quỹ tiền thưởng theo NĐ số 73/2024/NĐ-CP                                                     | 552.000            | 0                                   | 552.000    |
| 12  | Kinh phí miễn giảm học phí                                                                   | 0                  | 48.060                              | 48.060     |
| 13  | Kinh phí trợ cấp thôi việc                                                                   | 0                  | 0                                   | 0          |
| 14  | Kinh phí hỗ trợ chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 38/2023/NQ-HĐND                        | 0                  | 0                                   | 0          |
| 15  | Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND và chi tính gián biên chế          | 12.113.467         | 0                                   | 12.113.467 |